

Ảnh hưởng của các yếu tố sản xuất đến quan hệ hợp tác trong sản xuất tiêu thụ chè

TRẦN QUANG HUY

Bài viết phân tích mối tương quan giữa quan hệ hợp tác và thu nhập của các hộ sản xuất chè, ảnh hưởng của các yếu tố sản xuất và nhu cầu hợp tác của hộ nông dân sản xuất, tiêu thụ chè. Cuối cùng là một số kiến nghị về chính sách, hỗ trợ đầu tư, đào tạo và đưa công nghệ mới vào sản xuất chè.

Bài viết này tiến hành phân tích định lượng (qua điều tra) 270 hộ nông dân sản xuất chè ở tỉnh Thái Nguyên nhằm xác định rõ mức độ ảnh hưởng của các yếu tố sản xuất làm cơ sở cho việc đề xuất các biện pháp tăng cường quan hệ hợp tác trong sản xuất kinh doanh chè, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế và khả năng cạnh tranh của hộ nông dân trong nền kinh tế thị trường.

1. Mối tương quan giữa quan hệ hợp tác và thu nhập của các hộ sản xuất chè

Lý luận và thực tiễn đã khẳng định, các quan hệ hợp tác (QHHT) trong sản xuất kinh doanh giữa các hộ nông dân giúp hộ làm được những việc nếu hộ tự làm sẽ không làm được hoặc hiệu quả không cao. Chứng minh điều này, chúng tôi sử dụng phần mềm SPSS đánh giá mối tương quan và xây dựng mô hình hồi quy tuyến tính giản đơn giữa thu nhập và mối QHHT. Số liệu thống kê cho ta biết hệ số tương quan Pearson giữa hai biến là 0,344. Hệ số này

rất có ý nghĩa với một trị số p_value < 0,005 (báo cáo kết quả mức ý nghĩa có giá trị bằng 0), chỉ ra rằng giả thiết về hệ số tương quan bằng 0 bị bác bỏ (giả thiết $H_0: \beta_1 = 0$, bị bác bỏ) có nghĩa là thu nhập và QHHT có quan hệ tuyến tính với nhau.

Hệ số xác định $R^2 = 0.118$ có nghĩa là 11,8% sự thay đổi thu nhập của hộ là do sự ảnh hưởng của mối QHHT trong sản xuất và chế biến chè tác động, còn lại 88,2% sự thay đổi của lợi nhuận là do các yếu tố khác. R được điều chỉnh (Adjusted R Square) phản ánh chính xác hơn sự phù hợp của mô hình đối với tổng thể, ta có giá trị R được điều chỉnh bằng 0,115 (hay 11,5%) có nghĩa tồn tại mô hình hồi quy tuyến tính giữa thu nhập và QHHT trong sản xuất và tiêu thụ chè của nông hộ. Thống kê F = 35,948 được dùng để kiểm định giả thiết H_0 , ở đây ta thấy mối quan hệ tuyến tính là rất có ý nghĩa với p_value < 0,005. Như vậy ta có thể bác bỏ giả thiết H_0 cho rằng hệ số góc bằng 0.

Bảng hệ số của mô hình hồi quy tuyến tính

Mô hình		Hệ số không tiêu chuẩn		Hệ số tiêu chuẩn	T	Mức ý nghĩa
		B	Sai số chuẩn	Beta	B	
I	Hằng số	955.419	3650.241		.262	.794
	Tổng các mối QHHT	2067.506	344.836	.344	5.996	.000

Trần Quang Huy, ThS, Trường Đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh Thái Nguyên.

Ta có ước lượng về các hệ số của đường hồi qui đơn giản như sau:

$$b_0 = 955,419 \quad b_1 = 2067,506$$

Mô hình hồi quy tuyến tính đơn giữa thu nhập và QHHT

$$Y_{tn} = 955,419 + 2067,506 \times X_{qhht}$$

Trong đó:

Y_{tn} : Thu nhập X_{qhht} : Quan hệ hợp tác

Standardized Coefficients – Beta cho biết sự tác động riêng của biến độc lập lên biến phụ thuộc. Giá trị báo cáo Beta bằng 0,344 cho biết mỗi quan hệ tác động qua lại giữa thu nhập và QHHT là 34,4%. còn 65,6% ảnh hưởng bởi yếu tố khác.

Từ mô hình hồi quy tuyến tính đơn giản giữa thu nhập và các mối QHHT, ta có thể đưa ra kết luận: thu nhập của hộ nông dân khi thực hiện các QHHT sẽ lớn hơn các hộ nông dân không thực hiện các QHHT trong sản xuất và tiêu thụ chè một lượng là 2.067.506 đồng.

2. Ảnh hưởng của các yếu tố sản xuất tới quan hệ hợp tác trong sản xuất và tiêu thụ chè

Đánh giá mối quan hệ giữa QHHT với các yếu tố khác, chúng tôi sử dụng hệ số tương quan r đo lường mức độ quan hệ tuyến tính giữa hai biến mà không phân biệt biến nào là biến phụ thuộc biến nào là biến giải thích. Những nhận xét đối với giá trị của r :

Tri số r	Mức quan hệ của các đại lượng
$r=0$	X, Y hoàn toàn độc lập với nhau
$r=1$	X, Y có quan hệ tuyến tính với nhau
$0 < r < 0,3$	Mức độ quan hệ yếu
$0,3 < r < 0,5$	Mức độ quan hệ trung bình
$0,5 < r < 0,7$	Mức độ tương quan tương đối chặt
$0,7 < r < 0,9$	Mức độ tương quan chặt
$0,9 < r < 1$	Mức độ tương quan rất chặt

• Quy mô ruộng đất

Quy mô ruộng đất càng lớn thì nhu cầu hợp tác của hộ càng cao. Do nguồn lao động của hộ có hạn, để đáp ứng yêu cầu thời vụ của cây trồng, các hộ phải hợp tác để đáp ứng yêu cầu sản xuất. Hiện nay chính do quy mô ruộng đất còn nhỏ lẻ, manh mún đã ảnh hưởng đến quá trình hợp tác trong sản xuất của hộ. Bởi

với quy mô ruộng đất nhỏ lẻ, các hộ đều đủ khả năng tự đảm nhiệm mọi hoạt động sản xuất kinh doanh nên gần như không cần sự hợp tác với các đơn vị kinh tế khác.

Thống kê đo lường mối tương quan giữa QHHT với diện tích trồng chè (qua tính toán) như sau:

Với giá trị $r = 0,419$, ta đi đến kết luận về mối tương quan giữa biến QHHT và diện tích trồng chè có mối quan hệ trung bình.

• Lao động

Lao động là nguồn lực không thể thiếu trong sản xuất, có lao động thì mọi công việc mới hoàn thành. Hiện nay do tính chất của ngành chè vẫn đòi hỏi nhiều lao động thủ công và phân công lao động theo hướng chuyên môn hoá cao như trong khâu thu hái, chế biến,... Vì vậy mà việc hợp tác trong lao động hoặc đổi công đóng vai trò rất quan trọng. Thống kê đo lường mối tương quan giữa QHHT với lao động của các hộ điều tra (qua tính toán) như sau:

Với giá trị $r = 0,159$, ta có thể kết luận về mối tương quan giữa các mối QHHT với lao động là yếu.

• Vốn đầu tư

Chè là cây trồng đòi hỏi vốn đầu tư khá lớn so với nhiều cây trồng khác và có chu kỳ sản xuất dài. Để đầu tư thâm canh chè, nhiều hộ nông dân phải huy động vốn từ các nguồn tín dụng chính thức và phi chính thức. Tuy nhiên, thực tế điều tra việc hợp tác trong tạo vốn đầu tư cho sản xuất chè của các hộ ở mức độ thấp. Thống kê đo lường mối tương quan giữa QHHT với vốn đầu tư của các hộ điều tra (qua tính toán) như sau:

Với giá trị $r = 0,324$, ta có thể kết luận về mối tương quan giữa các mối QHHT với vốn đầu tư là yếu.

• Trình độ học vấn

Trình độ học vấn có ảnh hưởng lớn tới nhận thức về hợp tác, kinh tế hợp tác và hợp tác xã. Trình độ học vấn cao, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ hợp tác, đảm bảo khả năng đưa ra các quyết định đầu tư đúng

đẫn. Để đánh giá mối quan hệ giữa trình độ học vấn của chủ hộ và các QHHT trong sản xuất tiêu thụ chè, thống kê đo lường mối tương quan giữa QHHT với trình độ học vấn của chủ hộ (qua tính toán) cho thấy:

Mối quan hệ giữa trình độ học vấn và các mối QHHT của hộ nông dân có giá trị bằng 0,042. Từ giá trị này ta có thể đi đến kết luận mối tương quan giữa hai biến này có mức quan hệ yếu.

3. Nhu cầu hợp tác của hộ nông dân trong sản xuất, tiêu thụ chè

BẢNG 1: Nhu cầu, đánh giá của các hộ về sự giúp đỡ, hướng dẫn của các tổ chức xã hội về một số hoạt động trong sản xuất, tiêu thụ chè năm 2008

Đơn vị tính: hộ

Hoạt động	Nhu cầu của hộ		Đánh giá của hộ		
	Cần	Không cần	Hiệu quả cao	Hiệu quả trung bình	Không hiệu quả
Kỹ thuật trồng trọt	216	54	194	76	0
Kỹ thuật chăn nuôi	186	84	126	134	10
Marketing, bán sản phẩm	263	7	36	7	227
Chế biến	206	64	198	45	27

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra.

Từ những kết quả mà các hoạt động hợp tác mang lại cho hộ nông dân, đã giúp họ nhận thức được tầm quan trọng về kinh tế hợp tác, HTX, và hợp tác với các cơ quan nhà nước. Do các hộ điều tra đều là các hộ trồng chè nên số hộ có nhu cầu học tập về kỹ thuật trồng trọt là rất cao. Theo đánh giá của các hộ thì sự hỗ trợ của các tổ chức về kỹ thuật trồng trọt giúp hộ nông dân nâng cao trình độ để có thể đầu tư thâm canh một cách có hiệu quả vào sản xuất kinh doanh chè. Đặc biệt là sự giúp đỡ, hướng dẫn về các hoạt động marketing và tiêu thụ sản phẩm, tiếp đến là kỹ thuật chế

Để phát triển kinh tế hộ, nhiều hộ nông dân đang rất cần đến những sự trợ giúp có tính chất cộng đồng, hiệp hội ngành hàng, hay hợp tác trong các khâu, nhất là đầu vào và đầu ra của sản xuất. Theo số liệu điều tra của Trung tâm Phát triển nông thôn (RUDEC) năm 2007, thì hợp tác xã chỉ đáp ứng 6,9% nhu cầu phân bón và 13,8% nhu cầu giống...

Để khẳng định vai trò và hiệu quả của các hoạt động trợ giúp trên của các tổ chức xã hội, chúng tôi tiến hành khảo sát ý kiến đánh giá của các hộ và nhu cầu của họ về hợp tác.

biến. Các hoạt động hỗ trợ của các tổ chức đối với hoạt động sản xuất tiêu thụ chè về cơ bản đều được các hộ đánh giá là có hiệu quả cao. Tuy nhiên các hoạt động giúp đỡ, hướng dẫn marketing và tiêu thụ sản phẩm hầu hết các hộ đánh giá là không hiệu quả.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng tiến hành khảo sát nhận thức của các hộ về vai trò của hợp tác xã, các tổ hợp tác trong việc thực hiện một số hoạt động chủ yếu trong quá trình sản xuất kinh doanh chè để có những định hướng tác động nhằm tăng cường các mối QHHT trong sản xuất, tiêu thụ chè.

BẢNG 2: Đánh giá của các hộ về vai trò của hợp tác xã, tổ hợp tác trong thực hiện một số hoạt động chủ yếu năm 2008

Hoạt động của hợp tác xã và các tổ hợp tác	Rất quan trọng		Quan trọng		Không có vai trò gì	
	Số hộ	%	Số hộ	%	Số hộ	%
1. Cung cấp giống và dịch vụ hoá học	25	9,26	47	17,41	198	73,33
2. Cung cấp tín dụng	18	6,67	51	18,89	201	74,44
3. Hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm	36	13,33	83	30,74	151	55,93
4. Tạo việc làm	8	2,96	87	32,22	175	64,81
5. Cung cấp thông tin, chuyển giao khoa học công nghệ	17	6,30	196	72,59	57	13,70

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra.

Chúng ta thấy hiệu quả từ các hoạt động của hợp tác xã, tổ chức cơ quan Nhà nước đem lại cho hộ được hộ đánh giá rất khác nhau. Phần lớn các hộ nông dân không thấy được vai trò của các tổ chức trên cho nên mức độ các hộ tham gia hợp tác không cao. Mặc dù vậy, nhiều hộ đã nhận thức được tầm quan trọng của hợp tác xã và các tổ chức trong các hoạt động mang lại lợi ích khác, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm. Các lợi ích khác chủ yếu là cung cấp thông tin và phổ biến kỹ thuật trồng trọt,

phổ biến khoa học kỹ thuật, tập huấn về kỹ thuật trồng và thâm canh chè...

Trong quá trình điều tra chúng tôi đã nghiên cứu những hiểu biết của hộ về việc hình thành nhãn hiệu hàng hoá và một số câu hỏi khác về nguyện vọng của hộ trong thời gian tới thể hiện trong bảng 3.

Nhu cầu các hộ cần hỗ trợ trong khâu tiêu thụ là rất lớn. Số hộ hiểu biết về nhãn hiệu sản phẩm còn ít, tuy nhiên đó cũng là tiền đề cho việc hình thành nhãn hiệu sản phẩm cho hộ hoặc nhóm hộ.

Bảng 3: Nhu cầu hỗ trợ và nguyện vọng khác của hộ điều tra năm 2008

Stt	Nhu cầu của các hộ	Số hộ (hộ)	Cơ cấu (%)
	Tổng số	270	100
1	Những khó khăn cơ bản của hộ cần hỗ trợ		
	- Tích tụ đất	32	11,85
	- Kỹ thuật	186	68,89
	- Tiêu thụ sản phẩm	156	57,78
	- Vốn	118	43,70
2	Hợp tác hình thành nhãn hiệu sản phẩm	96	35,56
3	Nguyện vọng khác của hộ		
	- Ổn định thị trường, thu mua sản phẩm của hộ	270	100
	- Hỗ trợ hoặc bình ổn giá vật tư cho cây chè	206	76,30
	- Tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc chè	231	85,56
	- Tiến tới hình thành vùng chè an toàn	270	100

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra.

Bên cạnh đó 100% hộ nông dân đều mong muốn có đầu ra ổn định cho sản phẩm, giúp đỡ sản xuất chè an toàn...

4. Kết luận

Quan hệ hợp tác trong sản xuất, tiêu thụ chè giữa các hộ nông dân là một tất yếu khách quan và thực tế họ đã thực hiện nhiều mối QHHT trong sản xuất và tiêu thụ chè. Nhu cầu hợp tác của các hộ nông dân ngày càng cao không chỉ trong sản xuất và tiêu thụ chè mà còn cả trong các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Trong quá trình đó, các hộ đã nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ của các tổ chức xã hội, các cơ quan quản lý nhà nước. QHHT giữa các hộ sản xuất với nhau và với các tổ chức khác phát triển, góp phần quan trọng vào việc sử dụng hiệu quả vốn, lao động, đất đai và các nguồn lực khác của hộ. Bên cạnh việc trợ giúp các hộ sản xuất chè trong chuyển

giao khoa học kỹ thuật, xúc tiến thương mại... cần chú trọng thúc đẩy việc tích tụ đất của các hộ sang sản xuất với quy mô lớn, hình thành một nền sản xuất hàng hóa với các sản phẩm có chất lượng đồng đều, ổn định, có bao bì và thương hiệu đảm bảo đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng cũng như lợi nhuận thỏa đáng cho người sản xuất.

5. Kiến nghị

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp và ngành nghề ở nông thôn, thúc đẩy dồn điền, đổi thửa, tăng quy mô diện tích sản xuất chè trên một lao động, làm cơ sở cho tăng cường hợp tác giữa các hộ sản xuất chè, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Chú trọng điều chỉnh phân phối lợi nhuận hợp lý giữa sản xuất công nghiệp và sản xuất nông nghiệp tạo điều kiện hợp tác bền vững giữa sản xuất nguyên liệu và công nghiệp chế biến.

- Ưu tiên đầu tư hệ thống thủy lợi ở các vùng chè trên địa hình cao và dốc, thường xuyên thiếu nước trong sản xuất. Đẩy mạnh nghiên cứu áp dụng công nghệ tưới tiêu tiết kiệm, hiệu quả phù hợp với đặc điểm vùng chè trung du, miền núi, sẽ tập hợp được sự hợp tác của hộ nông dân trong đầu tư cho thủy lợi, thâm canh tăng năng suất, chất lượng chè.

- Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực và nhận thức về hợp tác, hợp tác xã cũng như tính cộng đồng để hộ nông dân thấy được lợi ích to lớn từ hợp tác mang lại trong sản xuất nông nghiệp nói chung, sản xuất chè nói riêng. Công tác đào tạo hướng tới các nội dung như: tăng cường nhận thức cho hộ nông dân về hợp tác, kinh tế hợp tác và hợp tác xã, các kiến thức về kinh tế hộ, thương mại hóa và marketing chè, về quản trị kinh doanh (đối với cán bộ quản lý hợp tác xã) như: xây dựng chiến lược kinh doanh và phát triển hợp tác xã, xây dựng kế hoạch kinh doanh dịch vụ, marketing... Kinh phí thực hiện do địa phương hoặc do các tổ chức kinh tế - xã hội khác tài trợ.

- Các cơ quan quản lý nhà nước, các chương trình, dự án cần hỗ trợ vốn cho các hộ sản xuất chè hình thành các tổ hợp tác chế biến thông qua việc chung vốn đầu tư mua sắm

máy móc thiết bị, xây dựng nhà xưởng... Khi các tổ hợp tác chế biến khẳng định được sự tồn tại và hiệu quả trong kinh doanh, sẽ là động lực để thu hút các hộ khác tham gia vào tổ hợp tác, tiến tới hợp tác trong nhiều hoạt động khác./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Lê Xuân Bá, “Vấn đề liên kết kinh tế ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí Công nghiệp Việt Nam, số 14/2003, tr. 8.
2. Phạm Thị Cẩm, Vũ Văn Phúc, Nguyễn Văn Kỳ(2003), Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp ở nước ta hiện nay, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Chính phủ (2005), Nghị định số 88/2005/NĐ-CP về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa IX, Số 13 - NQ/TƯ, ngày 18-3-2002 về Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Dương Đình Giám (2007), “Liên kết kinh tế một nhu cầu cấp bách đối với phát triển kinh tế - xã hội hiện nay”, Tạp chí Công nghiệp Việt Nam, số tháng 1, tr. 8.
6. Hoà Vinh, “Kinh tế hợp tác, hợp tác xã: sẽ là lực lượng kinh tế mạnh”, Tạp chí Công nghệ thông tin, số tháng 1-2006.